21-07-2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 04 Tổ : 001 

Mã nhậ n dạ ng01061

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

21-07-2014

Mô n Họ c : Bệ nh tô m-206307 Ngà y Thi : 16/06/14 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV303 Nhó m : 04 Tổ : 001

| STT | Mã SV | Họ và tê n | | LỚP | ký tê n | Số tờ | Đ 1 ( %) 10 | Đ 2 ( %) 20 | Điể m thi 70 | Điể m T. kế t | Tô trò n điể m phầ n nguyê n | Tô trò n điể m phầ n lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11116001 | TRẦN BẢO | ÂN | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 7,5 | 7,7 | 7 | 7 |
| 2 | 11141104 | TRẦN THỊ KIM | BÍCH | DH11NY | | 1 | 7 | 8,5 | 6,8 | 7,2 | 7 | 2 |
| 3 | 11141072 | LÊ THỊ NGỌC | CHÂU | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 3,5 | 5,0 | 5 | 0 |
| 4 | 11116022 | CHỐNG MINH | CƠ | DH11NT | | 1 | 9 | 8,0 | 7,5 | 7,8 | 7 | 8 |
| 5 | 11116023 | NGUYỄN ĐÌNH | CƯƠNG | DH11NT | | 2 | 9 | 9,0 | 8,0 | 8,3 | 8 | 3 |
| 6 | 10116015 | PHAN VĂN | CƯƠNG | DH10NT | | √ | √ | √ | √ | √ | √ | |
| 7 | 11141129 | TRẦN PHÚ | CƯỜNG | DH11NY | | 1 | 7 | 8,5 | 6,5 | 7,0 | 7 | 0 |
| 8 | 12336126 | TRẦN QUAN | DIỆU | CD12CS | | 1 | 8 | 8,0 | 1,8 | 3,7 | 3 | 7 |
| 9 | 11336090 | TRƯƠNG VĂN | DŨNG | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 2,3 | 4,0 | 4 | 0 |
| 10 | 11141028 | THẠCH THỊ CHANH | ĐA | DH11NY | | 1 | 7 | 8,0 | 6,5 | 6,9 | 6 | 9 |
| 11 | 11141055 | NGUYỄN THỊ | ĐAN | DH11NY | | 1 | 9 | 8,5 | 7,3 | 7,7 | 7 | 7 |
| 12 | 11336093 | BÙI THỊ | ĐIỆP | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 7,5 | 7,7 | 7 | 7 |
| 13 | 11141079 | ĐÀO HOÀNG HỒNG | ĐIỆP | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 5,5 | 6,4 | 6 | 4 |
| 14 | 11141057 | NGUYỄN HOÀNG TUẤN | EM | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 5,8 | 6,6 | 6 | 6 |
| 15 | 11141033 | LÊ HƯƠNG | GIANG | DH11NY | | 1 | 9 | 9,0 | 8,3 | 8,5 | 8 | 5 |
| 16 | 11116033 | NGUYỄN VĂN | HẠNH | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 7,8 | 7,9 | 7 | 9 |
| 17 | 11116032 | LA THỊ NGỌC | HẢO | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 7,0 | 7,3 | 7 | 3 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 04 Tổ : 001 

Mã nhậ n dạ ng01061

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Bệ nh tô m-206307 Ngà y Thi : 16/06/14 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV303 Nhó m : 04 Tổ : 001

| STT | Mã SV | Họ và tê n | | LỚP | ký tê n | Số tờ | Đ 1 ( %) 10 | Đ 2 ( %) 20 | Điể m thi 70 | Điể m T. kế t | Tô trò n điể m phầ n nguyê n | Tô trò n điể m phầ n lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | 11141097 | VÕ PHƯƠNG | HẢO | DH11NY | | 1 | 7 | 8,5 | 2,3 | 4,0 | 4 | 0 |
| 19 | 11336229 | PHẠM THỊ THANH | HẰNG | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 7,8 | 7,9 | 7 | 9 |
| 20 | 11141111 | NGUYỄN VĂN | HÒA | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 5,0 | 6,0 | 6 | 0 |
| 21 | 11141009 | HÀ THỊ | HUYỀN | DH11NY | | 1 | 9 | 8,5 | 8,8 | 8,8 | 8 | 8 |
| 22 | 11141098 | TRẦN THỊ MAI | HUYỀN | DH11NY | | 1 | 8 | 9,0 | 7,3 | 7,7 | 7 | 7 |
| 23 | 11141114 | PHAN THỊ NHƯ | HUỲNH | DH11NY | | 1 | 7 | 8,5 | 7,0 | 7,3 | 7 | 3 |
| 24 | 11141065 | LÊ THỊ DIỄM | HƯƠNG | DH11NY | | 1 | 8 | 9,0 | 7,3 | 7,7 | 7 | 7 |
| 25 | 11116044 | VÕ DUY | KHÁNH | DH11NT | | 2 | 8 | 8,0 | 7,3 | 7,5 | 7 | 5 |
| 26 | 11141075 | TRẦN ĐĂNG | KHOA | DH11NY | | 2 | 8 | 8,5 | 7,8 | 8,0 | 8 | 0 |
| 27 | 11141013 | ĐẶNG THỊ THÚY | KIỀU | DH11NY | | 2 | 8 | 8,5 | 8,3 | 8,3 | 8 | 3 |
| 28 | 11141051 | NGUYỄN THỊ NGỌC | LAN | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 7,3 | 7,6 | 7 | 6 |
| 29 | 11141082 | NGUYỄN THỊ NGỌC | LAN | DH11NY | | 2 | 8 | 8,5 | 7,0 | 7,4 | 7 | 4 |
| 30 | 11336123 | TRẦN THỊ | LAN | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 5,3 | 6,1 | 6 | 1 |
| 31 | 11336124 | HUỲNH THỊ | LÀNH | CD11CS | | 2 | 8 | 8,0 | 8,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 32 | 11141102 | NGUYỄN THANH | LÂM | DH11NY | | 2 | 8 | 8,0 | 8,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 33 | 11141083 | TRƯƠNG THỊ BẠCH | LÊ | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 5,3 | 6,2 | 6 | 2 |
| 34 | 11116050 | LÊ THỊ | LINH | DH11NT | | 2 | 9 | 8,0 | 8,8 | 8,7 | 8 | 7 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 04 Tổ : 001 

Mã nhậ n dạ ng01061

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Bệ nh tô m-206307 Ngà y Thi : 16/06/14 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV303 Nhó m : 04 Tổ : 001

| STT | Mã SV | Họ và tê n | LỚP | ký tê n | Số tờ | Đ 1 ( %) 10 | Đ 2 ( %) 20 | Điể m thi 70 | Điể m T. kế t | Tô trò n điể m phầ n nguyê n | Tô trò n điể m phầ n lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | 11141084 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH | DH11NY | | 2 | 9 | 9,0 | 9,0 | 9,0 | 9 | 0 |
| 36 | 11141116 | TRƯƠNG THỊ THẢO LINH | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 8,0 | 8,1 | 8 | 1 |
| 37 | 11141085 | THÁI HÀI LONG | DH11NY | | 2 | 8 | 9,0 | 8,0 | 8,2 | 8 | 2 |
| 38 | 11141016 | TRẦN THỊ MỸ LUYẾN | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 7,8 | 8,0 | 8 | 0 |
| 39 | 11116053 | HUỲNH THỊ HOA MAI | DH11NT | | 1 | 9 | 8,0 | 8,5 | 8,5 | 8 | 5 |
| 40 | 11116054 | DƯƠNG NHỰT MẠNH | DH11NT | | 1 | 8 | 8,5 | 6,5 | 7,1 | 7 | 1 |
| 41 | 11116108 | NGUYỄN VĂN MẾN | DH11NT | | 1 | 8 | 8,5 | 5,5 | 6,4 | 6 | 4 |
| 42 | 11141038 | DƯƠNG BÌNH MINH | DH11NY | | 1 | 7 | 8,5 | 5,5 | 6,3 | 6 | 3 |
| 43 | 11116102 | LÊ HOÀI NAM | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 8 | 0 |
| 44 | 11141118 | LÊ TRỌNG NGHĨA | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 7,0 | 7,4 | 7 | 4 |
| 45 | 11336207 | NGUYỄN TẤN NGHIỆP | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 7,5 | 7,7 | 7 | 7 |
| 46 | 11141087 | HUỲNH THỊ KIM NGỌC | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 7,0 | 7,4 | 7 | 4 |
| 47 | 11141063 | LÊ THỊ BÍCH NGỌC | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 6,8 | 7,3 | 7 | 3 |
| 48 | 11141119 | NGUYỄN TRẦN NHƯ NGỌC | DH11NY | | 1 | 5 | 8,5 | 8,0 | 7,8 | 7 | 8 |
| 49 | 11336275 | TRẦN VĂN NGÔN | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 6,5 | 7,0 | 7 | 0 |
| 50 | 11116110 | ĐẶNG THÀNH NGUYÊN | DH11NT | | 1 | 9 | 8,0 | 3,5 | 5,0 | 5 | 0 |
| 51 | 11141018 | NGUYỄN HUỲNH SĨ NHÂN | DH11NY | | 1 | 7 | 9,0 | 3,5 | 5,0 | 5 | 0 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 04 Tổ : 001 

Mã nhậ n dạ ng01061

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Bệ nh tô m-206307 Ngà y Thi : 16/06/14 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV303 Nhó m : 04 Tổ : 001

| STT | Mã SV | Họ và tê n | | LỚP | ký tê n | Số tờ | Đ 1 ( %) 10 | Đ 2 ( %) 20 | Điể m thi 70 | Điể m T. kế t | Tô trò n điể m phầ n nguyê n | Tô trò n điể m phầ n lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 52 | 11141076 | NGUYỄN THỊ YẾN | NHI | DH11NY | | 2 | 8 | 9,0 | 6,8 | 7,4 | 7 | 4 |
| 53 | 11336270 | THẠCH MINH | NHI | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 2,0 | 3,8 | 3 | 8 |
| 54 | 11116111 | NGÔ THỊ HUỲNH | NHƠN | DH11NT | | 2 | 8 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 8 | 0 |
| 55 | 12116388 | LÊ THỊ | NHUNG | DH12NY | | 1 | 7 | 8,0 | 3,5 | 4,8 | 4 | 8 |
| 56 | 11141047 | TRẦN THỊ KIM | NHUNG | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 8,0 | 8,1 | 8 | 1 |
| 57 | 11116113 | VÕ THANH | NHƯ | DH11NT | | 1 | 7 | 8,0 | 8,3 | 8,1 | 8 | 1 |
| 58 | 11116063 | VÕ THỊ HUỲNH | NHƯ | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 6,3 | 6,8 | 6 | 8 |
| 59 | 11141041 | DƯƠNG THỊ | NI | DH11NY | | 2 | 8 | 8,0 | 8,5 | 8,5 | 8 | 5 |
| 60 | 11141103 | MAI HOÀNG LÂM | PHÁT | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 4,3 | 5,5 | 5 | 5 |
| 61 | 11116114 | BÙI VĂN | PHỐ | DH11NT | | 2 | 9 | 8,0 | 8,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 62 | 11116007 | LÂM PHONG | PHÚ | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 6,8 | 7,2 | 7 | 2 |
| 63 | 11116066 | NGÔ THANH | PHÚC | DH11NT | | 1 | 7 | 8,0 | 8,3 | 8,1 | 8 | 1 |
| 64 | 11141077 | HỒ KHÁNH | PHƯỢNG | DH11NY | | 1 | 9 | 9,0 | 7,3 | 7,8 | 7 | 8 |
| 65 | 11141064 | HỒ VĂN HỒNG | QUYÊN | DH11NY | | 1 | 9 | 9,0 | 6,8 | 7,5 | 7 | 5 |
| 66 | 11336167 | DƯƠNG CẤU | SÌN | CD11CS | | 1 | 7 | 8,0 | 4,3 | 5,3 | 5 | 3 |
| 67 | 11141130 | HUỲNH THÁI | SƠN | DH11NY | | 1 | 8 | 9,0 | 6,5 | 7,2 | 7 | 2 |
| 68 | 11141095 | HÀ THỊ HỒNG | SƯƠNG | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 6,8 | 7,3 | 7 | 3 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 04 Tổ : 001 

Mã nhậ n dạ ng01061

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Bệ nh tô m-206307 Ngà y Thi : 16/06/14 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV303 Nhó m : 04 Tổ : 001

| STT | Mã SV | Họ và tê n | | LỚP | ký tê n | Số tờ | Đ 1 ( %) 10 | Đ 2 ( %) 20 | Điể m thi 70 | Điể m T. kế t | Tô trò n điể m phầ n nguyê n | Tô trò n điể m phầ n lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 69 | 12116192 | NGUYỄN THỊ DIỆU | SƯƠNG | DH12NY | | 1 | 7 | 9,0 | 5,8 | 6,6 | 6 | 6 |
| 70 | 11336036 | PHẠM HỒNG | THÁI | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 4,3 | 5,4 | 5 | 4 |
| 71 | 11141090 | NGUYỄN DI | THANH | DH11NY | | 1 | 8 | 9,0 | 6,3 | 7,0 | 7 | 0 |
| 72 | 11141059 | PHÚ DUY | THANH | DH11NY | | 1 | 9 | 9,0 | 4,0 | 5,5 | 5 | 5 |
| 73 | 11116076 | PHẠM NHƯ | THÀNH | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 3,8 | 5,1 | 5 | 1 |
| 74 | 11116075 | PHAN VĂN | THÀNH | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 3,8 | 5,1 | 5 | 1 |
| 75 | 11116078 | CHÂU THỊ THU | THẢO | DH11NT | | 1 | 8 | 9,0 | 6,8 | 7,4 | 7 | 4 |
| 76 | 11336147 | TRƯƠNG THỊ THU | THẢO | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 4,0 | 5,2 | 5 | 2 |
| 77 | 11336176 | TĂNG HOA | THIÊN | CD11CS | | 1 | 8 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 8 | 0 |
| 78 | 11116103 | VĂN ANH | THOẠI | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 7,3 | 7,5 | 7 | 5 |
| 79 | 11336019 | NGUYỄN VĂN | THÔNG | CD11CS | | 1 | 7 | 8,0 | 5,0 | 5,8 | 5 | 8 |
| 80 | 11141048 | ĐẶNG THỊ | THÙY | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 6,0 | 6,7 | 6 | 7 |
| 81 | 11141131 | TỪ VÕ KIM | THƯ | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 5,3 | 6,2 | 6 | 2 |
| 82 | 11116004 | MAI THANH | TIỀN | DH11NT | | 2 | 8 | 8,0 | 7,5 | 7,7 | 7 | 7 |
| 83 | 11116119 | BÙI MINH | TOÀN | DH11NT | | 2 | 9 | 8,0 | 8,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 84 | 11141053 | ĐẶNG THỊ THÙY | TRANG | DH11NY | | 1 | 8 | 8,5 | 6,0 | 6,7 | 6 | 7 |
| 85 | 11141134 | TRẦN THỊ THÚY | TRANG | DH11NY | | 1 | 9 | 9,0 | 7,8 | 8,2 | 8 | 2 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 04 Tổ : 001 

Mã nhậ n dạ ng01061

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Bệ nh tô m-206307 Ngà y Thi : 16/06/14 Giờ thi: 09g30 - phú t Phò ng thi TV303 Nhó m : 04 Tổ : 001

| STT | Mã SV | Họ và tê n | | LỚP | ký tê n | Số tờ | Đ 1 ( %) 10 | Đ 2 ( %) 20 | Điể m thi 70 | Điể m T. kế t | Tô trò n điể m phầ n nguyê n | Tô trò n điể m phầ n lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 86 | 11141092 | VÕ MINH | TRIẾT | DH11NY | | 1 | 9 | 9,0 | 8,3 | 8,5 | 8 | 5 |
| 87 | 11336259 | NGUYỄN GIOÁCH | TRON | CD11CS | | 2 | 8 | 8,0 | 7,5 | 7,7 | 7 | 7 |
| 88 | 11141001 | NGUYỄN THANH | TRÚC | DH11NY | | 2 | 9 | 9,0 | 8,3 | 8,5 | 8 | 5 |
| 89 | 11141073 | LÊ ANH | TUẤN | DH11NY | | 1 | 8 | 8,0 | 6,0 | 6,6 | 6 | 6 |
| 90 | 11116123 | BÙI VĂN | TÚC | DH11NT | | 2 | 8 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 8 | 0 |
| 91 | 11336219 | LÊ THẢO | VY | CD11CS | | 1 | 8 | 8,3 | 8,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 92 | 11141061 | TRẦN NHƯ | Ý | DH11NY | | 1 | 7 | 8,0 | 5,3 | 6,0 | 6 | 0 |
| 93 | 11116005 | MAI HỒNG | YẾN | DH11NT | | 1 | 8 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 8 | 0 |
| 94 | 11141002 | NGUYỄN HỒNG | YẾN | DH11NY | | 1 | 8 | 9,0 | 7,3 | 7,7 | 7 | 7 |

Số lượ ng vắ ng: 01 Hiệ n diệ n: : 93 112 tờ 93 bài

Cá n bộ coi thi 1 Cá n bộ coi thi 2 Xá c nhậ n củ a khoa/bộ mô n Cá n bộ chấ m thi 1 Cá n bộ chấ m thi 2

Ng T. Bạch Mai

N.H. Thinh

Nguyễn Hữu Thinh

Nguyễn Hữu Thinh

Thanh Huê